TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 27-6-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Trịnh Sâm Châu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ D, Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Đào Thanh X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh P, chị X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Hồng P trình bày:

Anh và chị Đào Thanh X xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 318 ngày 12 tháng 12 năm 2012. Việc kết hôn do anh và chị X đều tự nguyện. Nay anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thanh X. Nguyên nhân anh P yêu cầu ly hôn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Anh và chị X đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Hiện anh P xác định không còn tình cảm với chị X, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh P khai anh và chị X có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 22/10/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/01/2020. Theo đơn khởi kiện anh P có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh T1 và giao chị X nuôi dưỡng cháu Thanh T, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tuy nhiên, vào ngày 06/6/2024 anh P thay đổi yêu cầu về việc nuôi con, anh P đề nghị giao 02 cháu Thanh T và Anh T1 cho chị Đào Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay 02 cháu đang sinh sống ổn định và được chị X chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Đào Thanh X vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Đào Thanh X không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 22/10/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Đào Thanh X tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Đào Thanh X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng chị X vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng P và chị Đào Thanh X xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 318 ngày 12 tháng 12 năm 2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho chị X biết để đến Tòa làm việc nhưng chị X đều vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai của chị X tại hồ sơ.

Anh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị X với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2023 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Do đó, xác định anh P và chị X đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, xử cho anh P được ly hôn chị X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh P và chị X có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 22/10/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/01/2020. Ly hôn, anh P có nguyện vọng giao 02 con chung là Thanh T và Anh T1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, anh P trình bày thời gian qua chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tốt và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị X cũng không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung tại địa phương cũng như tại Tòa án; qua tham khảo ý kiến, nguyện vọng của cháu Thanh T cũng mong muốn được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Thanh T và Anh T1 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P khai không cấp dưỡng nuôi con, chi X không có ý kiến trình bày nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của anh Nguyễn Hồng P đối với chị Đào Thanh X.

Xử cho anh Nguyễn Hồng P được ly hôn với chị Đào Thanh X.

Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 22/10/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/01/2020 cho chị Đào Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Hồng P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015657 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Anh P và chị X được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND TT Long Thành
(GCNKH số 318 ngày 12/12/2012) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo